Filter: Lọc dữ liệu

Array(

‘name’ => ‘Tên thành phần Form’,

‘required’ => true,

‘filters’ => array(

Array(‘name’ => ‘StringTrim’), // Cắt khoảng trắng đầu và cuối

Array(‘name’ => ‘StripTags’), // Loại bỏ HTML

‘validators’ => array(

Array(‘name’ => ‘StringLength’, // Min Max ký tự

‘options’ => array(

‘min’ => ‘3’,

‘max’ => ‘125’,

Validation: Kiểm soát dữ liệu khi nhập vào

Thiết lập Filter

ContactForm

Use Zend\InputFilter\InputFilter;

Public function \_\_construct(){

$this->addInputFilter();

Public function addInputFilter(){

$input = new InputFilter;

$this->setInputFilter($input);

$input->add(

Array(

‘name’ => ‘Tên thành phần Form’, // email ….

‘required’ => true,

‘filters’ => array(

Array( ‘name’ => ‘StringTrim’), // Cắt khoảng trắng đầu và cuối

Array(‘name’ => ‘StripTags’), // Loại bỏ HTML

‘validators’ => array(

Array(‘name’ => ‘StringLength’, // Min Max ký tự

‘options’ => array(

‘min’ => ‘3’,

‘max’ => ‘125’,

‘messages’ => array(

‘stringLengthTooShort’ => ‘%min% ký tự’,

‘stringLengthTooLong’ => ‘%max% ký tự’,

View: Đổ thông báo lỗi

$this->formElementErrors($form->get(‘email| …’))

Controller: Filter và Validation

$form = new ContactForm;

$data=$this->params()->fromPost();

$form->setData($data);

If($form->isValid()){

$form->getData();

}

Một số filter phổ biến:

+ Alnum : Chỉ bao gồm chữ cái và số

+ Alpha: Chỉ bao gồm chữ cái.

+ Digits: Chỉ bao gồm số.

+ HtmlEntities: Chuyển đổi các ký tự đặc biệt như: <> ' " thành thực thể trong html như: &lt; , &gt;, &apos;, &quot;

+ StringToLower: chuyển đổi về chữ thường.

+ StringToUpper: Chuyển đổi về chữ hoa

+ StringTrim: Loại bỏ khoảng trắng ở đầu và cuối

+ StripTags: Loại bỏ cú pháp html trong đoạn chuỗi

Các bạn có thể xem thêm ở đây:

http://framework.zend.com/manual/2.3/en/modules/zend.filter.set.html

http://framework.zend.com/manual/2.3/en/modules/zend.filter.word.html ==> Hỗ trợ liên quan đến các từ khóa.

Một số validator phổ biến:

+ NotEmpty: Không được rỗng.

+ StringLength: Độ dài của chuỗi cho phép. Với đối số min và max.

+ Alpha: Chỉ cho phép ký tự. Nếu muốn bao gồm khoảng trắng thì gọi option với khóa: array('allowWhiteSpace' => true)

+ Digits: Chỉ cho phép là số.

+ Between: Cho phép giá trị trong khoảng từ min tới max. Với min và max là option. array('min' => 0, 'max' => 10)

+ Date: Cho phép theo chuẩn thời gian. Với khóa là format để quy ước thời gian. array('format' => 'Y')

+ EmailAddress: Kiểm tra định dạng email

+ Db\RecordExists: Tìm kiếm nếu không có record chỉ định thì sẽ báo lỗi.

+ Db\NoRecordExists: Tìm kiếm nếu có record tồn tại thì sẽ báo lỗi.

Các bạn có thể tham khảo ở đây khi cần thiết:

http://framework.zend.com/manual/2.3/en/modules/zend.validator.set.html